

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ.
The declaration of quality standard of product and goods

Số: 02 / 2019 ĐH

Doanh nghiệp: (Manufacture) : CÔNG TY TNHH NHỰA ĐẠT HOÀ.

Địa chỉ (address) : LÔ C -1-CN, Đường NA4, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Điện Thoại (Tel. N^o) : (0274) 3556750 - 3556759 . Fax: (0274) 3556760

E - Mail: info@dathoa.com

CÔNG BỐ

(we hereby declare)

Tiêu chuẩn(The standrad N^o) : TCCS 30 – 2019/ ĐH

Cờ Bàn Nhựa uPVC (Vinyl sheet pilling Unplasticized polyvinyl chloride) dùng để làm bờ kè chắn sóng, chống sạt lở trong các công trình công nghiệp, nông nghiệp.

Ap dụng cho sản phẩm, hàng hoá (tên, kiểu loại, mã số hàng hoá) (for the articles: articles' name type, H.S code):

Cờ Bàn Nhựa uPVC

Doanh nghiệp cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá đúng theo tiêu chuẩn công bố trên.

We undertake our products and goods suitable to the above standard.

Bình Dương, Ngày 03 Tháng 05 Năm 2019

(Binhduong date)

Đại diện doanh nghiệp(tên và chức vụ)

(Authorized s name position)



Phó Tổng Giám Đốc
Lý Đức Khánh



DAT HOA

CÔNG TY TNHH NHỰA ĐẠT HÒA

📍 Lô C-1-CN, Đường NA4, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, Bình Dương

☎ Hotline: 1900 75 75 72 📞 (84-274) 3556 750~59 📞 (84-274) 3556 760~65

🌐 www.dathoa.com.vn 📧 info@dathoa.com.vn | MST: 3700657170

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 30 – 2019/ ĐH

Cờ Bản Nhựa uPVC (*Vinyl sheet pilling Unplasticized polyvinyl chloride*) dùng để làm bờ kè chắn sóng, chống sạt lở trong các công trình công nghiệp, nông nghiệp.

Lần soát xét: 04

Ký hiệu TC thay thế : TCCS 30 - 2017

Bình Dương Ngày 03 Tháng 05 Năm 2019

Đại diện có thẩm quyền



Phó Tổng Giám Đốc
Lý Đức Khánh

Cờ Bản Nhựa uPVC (*Vinyl sheet piling Unplasticized polyvinyl chloride*) dùng để làm bờ kè chắn sóng, chống sạt lở trong các công trình công nghiệp, nông nghiệp.

1. Phạm vi áp dụng.

- Tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật cho các loại cờ bản nhựa làm bằng nhựa uPVC (Unplasticized polyvinyl chloride) các loại mang ký hiệu CBN Z5, CBN Z3 CBN U6 ...V...v... do Công Ty Nhựa Đạt Hòa qui định được dùng để làm bờ kè chắn sóng, chống sạt lở bên trong và bên ngoài công trình xây dựng.
- Tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật cho các loại cờ bản nhựa do Công ty TNHH nhựa Đạt Hòa sản xuất.

2. Tiêu chuẩn viện dẫn.

- Tide Wall Vinyl Sheet Piling American.
- ISO 178 : 2010 Phương Pháp thử nghiệm Độ bền uốn
- ASTM D 638 - 02 Phương Pháp thử nghiệm Độ bền kéo
- ISO 868 : 2003 Phương Pháp thử nghiệm Độ cứng
- ASTM D 256 Phương Pháp thử nghiệm Độ bền va đập Izod.

3. Vật liệu.

- 3.1 Vật liệu của cờ bản nhựa sử dụng là nguyên vật liệu nguyên chất nhựa PVC và các chất ổn định cần thiết cho việc sản xuất cờ bản nhựa theo tiêu chuẩn này.
- 3.2 Cho phép sử dụng lại các loại phế phẩm sinh ra trong quá trình sản xuất cùng nguồn gốc với nhựa đang sản xuất sau khi được làm sạch nhưng không vượt quá 15%.
- 3.3 Không cho phép sử dụng các loại nguyên liệu tái chế, xử lý từ các nguồn thu bên ngoài.

4. Yêu cầu kỹ thuật.

- 4.1 Yêu cầu ngoại quan:

- Mô tả: Màu cơ bản của cừ bản nhựa là màu xám, không lem màu, đồng nhất được so sánh theo mẫu chuẩn đã được kiểm duyệt. (có thể có màu khác theo yêu cầu của khách hàng)
- Bề mặt bên ngoài và bên trong cừ bản nhựa phẳng, không khiếm khuyết khi nhìn bằng mắt thường.
- Bề mặt bên ngoài và bên trong cừ bản nhựa tỷ lệ gợn sóng không được vượt quá 10% so với mẫu chuẩn.
- Sau khi sản xuất, thử nghiệm đạt yêu cầu phải lưu 1 mẫu với chiều dài qui định trong thời gian 6 tháng để thuận tiện trong việc truy tìm nguồn gốc sản phẩm..

4.2 Tính chất cơ lý:

Bảng 1

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cừ bản nhựa				Phương pháp thử
			CBN U5	CBN U 6	CBN Z 3	CBN Z 5	
1.	Hình dạng	-					
2.	Chiều rộng (W)	mm	500	600	300	500	TCVN 6145: 2007
3.	Chiều cao (H)	mm	160	230	150	250	TCVN 6145: 2007
4.	Bề dày thành (T)	mm	6,0	7,5	4,5	10,0	TCVN 6145: 2007
5.	Trọng lượng/ đơn vị chiều dài	Kg/m	7,3	11,1	3,2	12,5	
6.	Trọng lượng/m ²	Kg/ m ²	14,6	18,5	10,6	25	
7.	Mô men quán tính	Cm ⁴ /m	4.070	12.000	7.000	17.455	ISO 178: 2010
8.	Mô men kháng uốn	Cm ³ /m	509	1.000	900	1.399	ISO 178: 2010
9.	Mô men uốn cho phép	KNm/m	10.4	20,0	20,0	28,8	ISO 178: 2010
10.	Mô đun đàn hồi thử uốn	MPa	2.650	2.650	2.650	2.700	ISO 178: 2010
11.	Tỷ trọng	Kg/m ³	1,42 -1,46	1,42 -1,46	1,42 -1,46	1,42 -1,46	ASTM D 792
12.	Độ cứng	Shore D	≥ 80	≥ 80	≥ 80	≥ 80	ISO 868: 2003
13.	Độ bền uốn	MPa	≥ 70	≥ 70	≥ 70	≥ 70	ISO 178: 2010
14.	Độ bền kéo	MPa	≥ 42.5	≥ 42.5	≥ 42.5	≥ 42.5	ASTM D638-10
15.	Độ bền va đập Izod	KJ/m ²	≥ 9,0	≥ 9,0	≥ 9,0	≥ 9,0	ASTM D 256
16.	Điểm mềm vicat	° C	80	80	80	80	ASTM D1525 - 09

Ghi Chú: 1Mpa = 1N/mm²

4.3 Tính chất hóa lý.

- Khi sử dụng cừ bản nhựa ở điều kiện chôn dưới đất hoặc tiếp xúc trực tiếp với nước sẽ không tạo ra các độc tố, gây ô nhiễm môi trường.

4.4 Quy cách cừ bản nhựa.

Qui cách cùr bản nhựa (mm).

Bảng 2

Chủng loại sản phẩm	Chiều rộng danh nghĩa (W_n)	Chiều rộng thực tế (W)	Chiều cao (H)	Độ dày (T)
CBN U5	500	$500 \pm 10,0$	$160 \pm 10,0$	$6,0 + 0,5$
CBN U6	600	$600 \pm 10,0$	$230 \pm 10,0$	$7,5 + 0,5$
CBN Z3	300	$300 \pm 10,0$	$150 \pm 10,0$	$4,5 + 0,5$
CBN Z5	500	$500 \pm 10,0$	$250 \pm 10,0$	$10 + 1,0$

Trong trường hợp sản xuất theo yêu cầu khách hàng với các mục đích khác thì qui cách sẽ thay đổi.

5. Phương pháp kiểm tra.

5.1 Đo kích thước.

Thước cặp dùng để đo phải có du xích $\leq 0.05\text{mm}$, có tem và giấy chứng nhận kiểm định định kỳ của cơ quan kiểm định.

Khi kiểm tra các chỉ số của bề dày cùr bản nhựa phải ở trong khoảng sai số cho phép theo bảng qui định.

5.2 Phương pháp đo:

- Xác định chiều rộng của cùr Z bằng cách lấy mặt phẳng của đầu đực rồi đo vuông góc với đầu cái của cùr Z.
- Xác định chiều cao của cùr Z cũng lấy mặt phẳng của đầu đực rồi đo chiều cao nơi gần vị trí góc 60° của đầu cái của cùr Z.
- Xác định độ dày cùr bản nhựa bằng cách tính trung bình số học của các lần đo thu được ở các khoảng cách tối đa 100mm ở giữa chiều dài của mặt cắt ngang của cùr bản nhựa.
- Thí dụ: Độ dày trung bình các điểm của các lần đo được tính như sau: (xem hình vẽ H1)

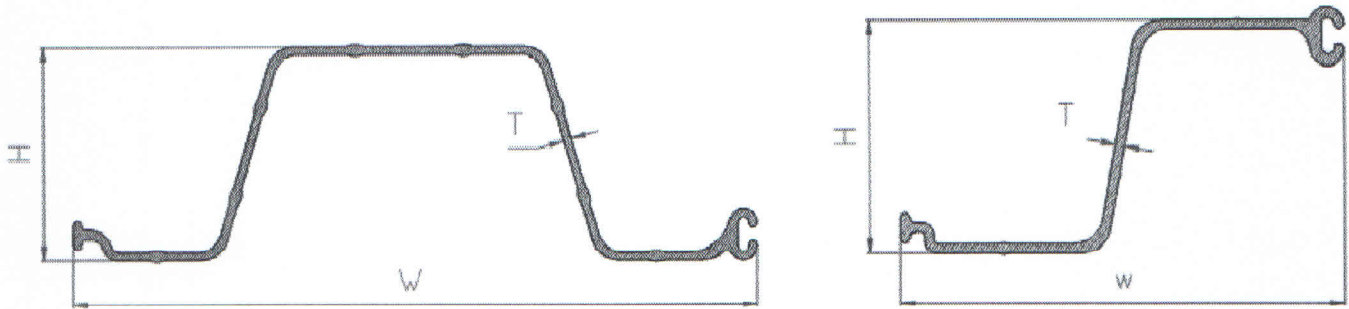
$$T_n(\text{độ dày}) = \frac{T_{n1} + T_{n2} + T_{n3} + T_{n4} \dots n5 \dots n6}{\sum n}$$

a,b,c,e...: Chỉ số đo của các lần đo trên mặt cắt ngang của cùr bản nhựa.

- Tính trung bình cộng độ dày của cùr bản nhựa.

Độ dày cùr bản nhựa được kiểm tra thường xuyên trong quá trình sản xuất.

Hình 1




Cờ bàn nhựa U

Cờ bàn nhựa



6. In ấn, vận chuyển và bảo quản.

- 6.1 Nhãn sở hữu phải có nội dung phù hợp theo nghị định số : 89/2006/NĐ-CP Ngày 30/08/2006 và các văn bản hiện hành khác của nhà nước.
- 6.2 Chữ in được in dọc theo thân cờ bàn nhựa với khoảng cách tối đa 2 mét bằng mực không phai được thể hiện như sau:

- Nhãn sở hữu Công Ty  ĐẠT HOÀ®
- Tên Công Ty.
- Địa chỉ Công Ty.
- Tên sản phẩm.
- Qui cách sản phẩm.
- Ngày/Lô sản xuất.

6.3 Bảo quản.

- Cờ bàn nhựa được bảo quản ở nơi thoáng mát, có mái che. được sắp xếp thành từng kệ riêng và treo bằng nhận dạng.

6.4 Xếp dỡ, vận chuyển.

- Cờ bàn nhựa được vận chuyển cẩn thận tránh lôi kéo nhằm tổn hại đến bề mặt .
- Khi đưa Cờ bàn nhựa lên xe để vận chuyển giao hàng phải sắp xếp gọn gàng, không để chéo lên nhau.